TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2022/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-3-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Hồng Đ, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn P, xã N, Nghĩa An, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị V, anh Đ đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-8-2022, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hồng Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 09-5-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình bên chồng tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đến năm 2019 do cuộc sống chung với gia đình chồng có nhiều bất đồng nên anh chị về sinh sống tại gia đình mẹ chị V tại thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Đến tháng 7 năm 2021, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, anh Đ có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn không thể hòa giải được nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị V yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Hồng Đ.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Hồng Đ có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Lê Lam T, sinh ngày 27-10-2018 và cháu Đỗ Lê Huyền T1, sinh ngày 26-12-2019. Hiện hai cháu đang sống với chị V. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 11-11-2022 và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hồng Đ thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng anh như chị V trình bày là đúng. Tuy nhiên do điều kiện anh làm biển và đi buôn bán ở tỉnh Lâm Đồng nên vợ chồng ít gặp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Anh chị đã sống ly thân, chị V dẫn con chung về xã Nghĩa Hà sinh sống từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Lê Lam T, sinh ngày 27-10-2018 và cháu Đỗ Lê Huyền T1, sinh ngày 26-12-2019. Hiện hai cháu đang sống với chị V. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao hai cháu Đỗ Lê Lam T và Đỗ Lê Huyền T1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết giao hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng thì anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 68, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V được ly hôn anh Đỗ Hồng Đ.

+ Về con chung: Giao hai cháu Đỗ Lê Lam T, sinh ngày 27-10-2018 và cháu Đỗ Lê Huyền T1, sinh ngày 26-12-2019 cho chị Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đỗ Hồng Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị Lê Thị V, anh Đỗ Hồng Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Hồng Đ có nơi cư trú tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Đỗ Hồng Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 09-5-2018 nên hôn nhân của chị V và anh Đ là hợp pháp. Giữa chị V và anh Đ đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V và anh Đ là có thật, cả hai không tìm được hướng giải quyết nên đã sống ly thân; chị V yêu cầu được ly hôn với anh Đ

và anh Đ cũng đồng lý ly hôn theo yêu cầu của chị V; điều đó cho thấy tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V được ly hôn với anh Đỗ Hồng Đ

[2.2] Về con chung: Chị V, anh Đ có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Lê Lam T, sinh ngày 27-10-2018 và cháu Đỗ Lê Huyền T1, sinh ngày 26-12-2019, hiện hai cháu đang sống cùng chị V. Tại phiên tòa, anh Đ và chị V đều đồng ý giao cả hai cháu cho một người trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Trong trường hợp Tòa án giao cả hai cháu cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 cháu, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi.

Xét cả hai cháu T, cháu T1 hiện đang sống cùng chị V và học tập tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, để ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu cần giao cho chị Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) cháu Đỗ Lê Lam T, sinh ngày 27-10-2018 và cháu Đỗ Lê Huyền T1, sinh ngày 26-12-2019; anh Đỗ Hồng Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 cháu, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị V, anh Đ trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị V, anh Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Đỗ Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị V. Chị Lê Thị V được ly hôn với anh Đỗ Hồng Đ.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Lê Lam T, sinh ngày 27-10-2018 và cháu Đỗ Lê Huyền T1, sinh ngày 26-12-2019 cho chị Lê Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Hồng Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 cháu (Tổng cộng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Hồng Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị V và anh Đỗ Hồng Đ khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5 Về nợ chung: Chị Lê Thị V và anh Đỗ Hồng Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003831 ngày 12-9-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Đỗ Hồng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Nam